



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16

Ngày 01 tháng 4 năm 2012

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

01-3-2012	Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐND về Kế hoạch thực hiện “Năm an toàn giao thông 2012”.	04
01-3-2012	Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND về kiến nghị thí điểm áp dụng biện pháp xử phạt tịch thu xe đối với một số hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông gây tác hại nghiêm trọng cho xã hội trên địa bàn thành phố.	09
01-3-2012	Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND về việc tăng phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố.	11
01-3-2012	Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND về thành lập tổ chức làm công tác dân tộc.	13

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

06-3-2012	Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND về tăng mức phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	15
06-3-2012	Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND về phân cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh và thu hồi Giấy	17

phép quản lý chất thải nguy hại.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

14-3-2012	Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND về thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành Thủ tục - Quy trình liên thông cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế trên địa bàn quận 2.	19
-----------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

05-3-2012	Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ban hành Quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn quận Tân Bình.	21
-----------	--	----

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

07-3-2012	Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ban hành Quy định về nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối trong rừng phòng hộ Cần Giờ.	33
-----------	--	----

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

05-3-2012	Quyết định số 1111/QĐ-UBND ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2012 - 2015.	41
06-3-2012	Quyết định số 1165/QĐ-UBND về nâng mức phụ cấp đối với khu phố - ấp, tổ dân phố - tổ nhân dân.	56
06-3-2012	Quyết định số 1166/QĐ-UBND về mức trợ cấp cho cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách và phụ cấp đối với ấp, tổ nhân dân thuộc các xã xây dựng nông thôn mới.	57
06-3-2012	Quyết định số 1173/QĐ-UBND về việc đặt tên đường mới trên địa bàn quận 2.	59
13-3-2012	Chỉ thị số 09/CT-UBND về tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và cây phân tán năm 2012.	66

13-3-2012 Chỉ thị số 10/CT-UBND về tăng cường các biện pháp phòng trừ rầy nâu và bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá hại lúa năm 2012 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 71

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2012/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2012***NGHỊ QUYẾT****Về Kế hoạch thực hiện “Năm an toàn giao thông 2012”****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TƯ
(Ngày 01 tháng 3 năm 2012)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Xét Báo cáo số 33/BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 42/BC-PC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Hội đồng nhân dân thành phố tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông năm 2011 và kế hoạch thực hiện “Năm An toàn giao thông 2012”.

Hội đồng nhân dân Thành phố nhấn mạnh một số nội dung sau đây:

I. Về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông:

Trong năm 2011, Ủy ban nhân dân Thành phố đã tập trung thực hiện nhiều giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố; huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đưa một số công trình giao thông trọng điểm vào sử dụng, tập trung tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về giao thông trong nhân dân; tăng cường kiểm tra các vi phạm trên lĩnh vực giao thông.

Dù vậy, vẫn còn một số vấn đề tồn tại do nhiều nguyên nhân khác nhau làm cho tình hình tai nạn giao thông chưa được cải thiện một cách bền vững, còn tăng - giảm thất thường giữa các tháng trong năm. Công tác tuyên truyền pháp luật giao thông còn mang nặng hình thức hơn là tập trung vào chất lượng cũng như đối tượng tuyên truyền; hình thức tuyên truyền còn chưa sinh động; Ý thức chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông của một bộ phận người dân còn hạn chế.

Công tác kiểm tra, xử phạt vi phạm pháp luật về trật tự giao thông chưa nghiêm, chưa quyết liệt và chưa đảm bảo tính thường xuyên, liên tục. Tình trạng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè để buôn bán kinh doanh, đậu xe không đúng quy định vẫn còn diễn ra trên nhiều tuyến đường, làm cản trở lưu thông và đi lại của người dân; tụ tập đua xe trái phép, lạng lách đánh võng gây mất trật tự an toàn giao thông, nạn rải đinh, rải vật sắc nhọn trên đường gây tai nạn giao thông chưa được khắc phục triệt để; hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ, công tác phân luồng giao thông còn bất cập. Tình hình ngập nước do mưa lớn và triều cường đã làm giảm diện tích giao thông vào thời gian ngập, phát sinh ổ gà, lún sập gây ra tình trạng ùn tắc giao thông và mất an toàn giao thông. Chất lượng phục vụ vận tải hành khách công cộng, đặc biệt là xe buýt, xe taxi mặc dù đã có nhiều cải thiện để thu hút hành khách nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân thành phố.

II. Mục tiêu, yêu cầu và các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2012

1. Mục tiêu:

1.1. Nâng cao nhận thức của nhân dân và phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị toàn xã hội đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống ùn tắc giao thông, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình đột phá của thành phố và xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng như các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Nâng cao ý thức và trách nhiệm của người tham gia giao thông, phải xem

việc giảm thiểu tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông là trách nhiệm của chính mình và của toàn xã hội; xây dựng và hình thành văn hóa giao thông trong từng gia đình và cộng đồng.

1.3. Kéo giảm tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông, giảm thiểu tối đa các vụ ùn tắc giao thông kéo dài trên 30 phút trên địa bàn thành phố.

1.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, hội nghề nghiệp để tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong toàn xã hội nhằm bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố.

2. Yêu cầu:

2.1. Tập trung sức huy động cả hệ thống chính trị toàn xã hội để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong phạm vi mạng lưới giao thông (đường bộ, đường thủy, đường sắt) tại địa phương mình phụ trách và trên toàn thành phố.

2.2. Các giải pháp, hành động phải thiết thực, cụ thể, hiệu quả, không phô trương, hình thức.

3. Các chỉ tiêu cơ bản:

3.1. Kéo giảm 10% tai nạn giao thông trên cả 3 mặt: số vụ, số người chết và số người bị thương.

3.2. Giảm 10% số vụ ùn tắc giao thông kéo dài trên 30 phút so với năm 2011, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng đua xe trái phép, vi phạm Luật giao thông.

3.3. 100% phường, xã, thị trấn đồng loạt ra quân và triển khai liên tục, có hiệu quả “Năm an toàn giao thông 2012”.

(Hai chỉ tiêu 3.1 và 3.2 trước đây đã được đưa vào Nghị quyết số 33/2011/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2012 tại kỳ họp thứ 3 Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII).

III. Nhiệm vụ và các giải pháp chính:

Năm 2012, dự báo tình hình giao thông trên địa bàn thành phố vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách, cần phải tập trung để từng bước khắc phục những hạn chế, yếu kém, Hội đồng nhân dân Thành phố yêu cầu triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp chính dưới đây:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng đến từng cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, trường học, khu phố, tổ dân phố, tới tất cả các tầng lớp nhân dân về pháp luật trật tự an toàn giao thông để nâng cao nhận thức về an toàn khi tham gia giao thông. Xây dựng nếp văn hóa giao thông, hướng tới một xã hội trật tự, kỷ cương và an toàn trong giao thông. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng các doanh nghiệp vận tải, các chủ phương tiện trong bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2. Tăng cường tuần tra, kiểm soát và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông; đẩy mạnh áp dụng biện pháp xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông được ghi lại bằng hình ảnh. Kịp thời phát hiện và ngăn chặn hữu hiệu tệ nạn tụ tập đua xe trái phép hoặc chạy xe gây rối trật tự công cộng; tệ nạn rải đinh, rải vật sắc nhọn trên đường.

3. Kiên quyết lập lại trật tự trong quản lý, sử dụng lòng đường, vỉa hè; giải quyết dứt điểm tình trạng lấn chiếm trái phép lòng đường, vỉa hè trên một số tuyến đường trọng điểm trên địa bàn thành phố và hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt. Xóa bỏ cơ bản tình trạng xe “dù”, bến “cóc” trên địa bàn.

4. Huy động các nguồn lực, trong đó tập trung nguồn lực chính từ ngân sách để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình giao thông trọng điểm.

5. Tổ chức lại giao thông, tăng cường nghiên cứu phân làn giao thông nhằm khai thác hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hiện hữu.

6. Tăng cường kiểm tra, siết chặt quản lý đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe và kiểm định kỹ thuật phương tiện, nhất là các loại xe chở khách, xe tải và xe container.

7. Quản lý nghiêm ngặt hoạt động vận tải theo quy định của pháp luật; tiếp tục phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của xe buýt, xe taxi.

8. Đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định Nhà nước về trật tự an toàn giao thông, kiên quyết xử lý nghiêm các cá nhân và tổ chức vi phạm; Thực hiện nghiêm quy chế khen thưởng, kỷ luật, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, trước hết là trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Tán thành các kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Bổ sung trong kế hoạch giao vốn đợt 1 năm 2012 về đầu tư dự án Mở rộng

đoạn Quốc lộ 1A từ nút giao thông Tân Kiên (huyện Bình Chánh) đến ranh tỉnh Long An, dài 7,4km với vốn đầu tư ước tính 180 tỷ đồng.

- Kiến nghị Quốc hội và Chính phủ cho phép triển khai phương án thu phí đối với các loại phương tiện giao thông cá nhân để hạn chế tốc độ phát triển quá nhanh.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức, chỉ đạo, điều hành thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân Thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố cùng các tổ chức thành viên giám sát, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của người dân đến các cấp chính quyền, phát huy vai trò đóng góp của nhân sỹ, trí thức, các chức sắc tôn giáo tham gia các giải pháp, biện pháp, sáng kiến về an toàn giao thông, các cơ quan truyền thông, báo chí tích cực tuyên truyền vận động mọi người dân hiểu và thực hiện tốt Nghị quyết này.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố kêu gọi cán bộ, chiến sỹ, nhân dân thành phố nêu cao tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo và quyết tâm thực hiện thắng lợi “Năm An toàn giao thông 2012”.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 01 tháng 3 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về kiến nghị thí điểm áp dụng biện pháp xử phạt tịch thu xe đối với một số hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông gây tác hại nghiêm trọng cho xã hội trên địa bàn thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TƯ (Ngày 01 tháng 3 năm 2012)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Tờ trình số 844/TTr-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về kiến nghị thí điểm thực hiện biện pháp xử phạt tịch thu xe đối với một số hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông gây tác hại nghiêm trọng cho xã hội trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 43/BC-PC ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất việc Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ cho phép thành phố Hồ Chí Minh được thí điểm áp dụng biện pháp xử phạt tịch thu xe ngay lần đầu tiên vi phạm đối với 08 trường hợp vi phạm bất kể chủ sở hữu được nêu trong Tờ trình số 844/TTr-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời kiến nghị xem xét bổ sung, sửa đổi các quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian thí điểm đến hết năm 2013.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố trong khi chờ ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ cho phép Thành phố Hồ Chí Minh được thí điểm áp dụng

biện pháp xử phạt tịch thu xe, Ủy ban nhân dân Thành phố cần chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện tốt kế hoạch “Năm an toàn giao thông 2012”.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 01 tháng 3 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về việc tăng phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện
bị tạm giữ trên địa bàn thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TƯ
(Ngày 01 tháng 3 năm 2012)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 70/2006/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định việc quản lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện hết thời hạn tạm giữ bị tịch thu theo thủ tục hành chính và thu, nộp, quản lý, sử dụng phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2009 về việc thu phí bảo quản tang vật phương tiện tạm giữ trên địa bàn thành phố;

Xét Tờ trình số 843/TTr-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Báo cáo thẩm tra số 44/BC-PC ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 843/TTr-UBND ngày 28 tháng 02 năm

2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện tăng mức phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện tạm giữ trên địa bàn thành phố là 500.000 đ/ngày/chiếc đối với 08 hành vi vi phạm.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố sử dụng nguồn thu từ việc tạm giữ phương tiện vi phạm nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Thời gian áp dụng: Từ ngày 10 tháng 3 năm 2012.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 01 tháng 3 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2012

NGHỊ QUYẾT
Về thành lập tổ chức làm công tác dân tộc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TƯ
(Ngày 01 tháng 3 năm 2012)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Xét Tờ trình số 831/UBND-VX ngày 27 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Đề án thành lập tổ chức làm công tác dân tộc và Báo cáo thẩm tra số 45/BC-PC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất việc thành lập Ban Dân tộc trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trên cơ sở hợp nhất Ban Công tác người Hoa và bộ phận quản lý nhà nước về công tác dân tộc của Ban Tôn giáo và Dân tộc thuộc Sở Nội vụ thành phố. Đồng thời đổi tên Ban Tôn giáo và Dân tộc (cũ) thành Ban Tôn giáo và thuộc Sở Nội vụ.

Không thành lập Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước, phân công một Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện trực tiếp phụ trách công tác dân tộc và bố trí cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên lĩnh vực này.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 01 tháng 3 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Về tăng mức phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện
bị tạm giữ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 70/2006/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định việc quản lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 19/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện hết thời hạn tạm giữ bị tịch thu theo thủ tục hành chính và thu, nộp, quản lý, sử dụng phí lưu giữ bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ;

Thực hiện Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh mức phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ là 500.000 đồng/ngày (năm trăm ngàn đồng mỗi ngày) đối với 08 (tám) hành vi vi

phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sau đây:

1. Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ ba xe trở lên;
2. Bấm còi, rú ga liên tục trong đô thị, khu đông dân cư, ngoại trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;
3. Điều khiển xe chạy thành đoàn gây cản trở giao thông;
4. Sử dụng chân chống hoặc vật khác quẹt xuống đường khi xe đang chạy;
5. Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy;
6. Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị;
7. Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe 02 bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe 03 bánh;
8. Điều khiển xe thành nhóm từ hai xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan Báo, Đài thành phố tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy định tại Điều 1; hướng dẫn cho các lực lượng chức năng bảo đảm trật tự an toàn giao thông thành phố thực hiện đúng theo quy định. Giao Sở Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn thu từ việc tạm giữ phương tiện vi phạm nêu trên đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2012.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tư pháp, Ban An toàn giao thông Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về phân cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn,
điều chỉnh và thu hồi Giấy phép quản lý chất thải nguy hại**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 8508/TNMT-CTR ngày 23 tháng 12 năm 2011; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 526/STP-VB ngày 03 tháng 02 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung được phân cấp tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 2****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2012/QĐ-UBND

Quận 2, ngày 14 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành
Thủ tục - Quy trình liên thông cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
và cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế trên địa bàn quận 2**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét Tờ trình số 05/TTr-VP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận và Văn bản số 190/TP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Phòng Tư pháp quận về căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 2 về ban hành Thủ tục - Quy trình liên thông cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế trên địa bàn quận 2.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tư pháp quận, Trưởng Phòng Kinh tế quận, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận, Trưởng Phòng Y tế quận, Chi Cục Thuế quận và các phòng, ban chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2012/QĐ-UBND

*Tân Bình, ngày 05 tháng 3 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến
lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn quận Tân Bình****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Giá số 40/2002/PL-UBTVQH10 ngày 26 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 70/2006/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định việc quản lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 170/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 94/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 170/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 96/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá;

Căn cứ Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2007 và Thông tư số 131/2007/TT-BTC ngày 05 tháng 11 năm 2007 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Thông tư số 166/2009/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý một số loại tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng và quản lý số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 105/2007/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí đấu giá tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền (trừ tài sản là nhà, đất);

Căn cứ Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 2 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động;

Căn cứ Chỉ thị số 18/2011/CT-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 848, 849, 850/TTr-TCKH ngày 21 tháng 12 năm 2011 và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại Công văn số 10, 11, 12/TP ngày 06 tháng 01 năm 2012;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn quận Tân Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các ban, ngành - đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường,

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Châu Văn La

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH

**Giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến
lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn quận Tân Bình**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước quy định tại Quyết định này bao gồm:

- Quy trình thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản công;
- Quy trình tiếp nhận và tổ chức thực hiện thanh lý tài sản nhà nước;
- Quy trình định giá, bán đấu giá tài sản, hàng hóa bị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

2. Tài sản nhà nước là những tài sản được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân quận giao nhiệm vụ và chịu trách nhiệm quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Ngày nhận hồ sơ: là ngày nhận và đóng dấu công văn đến của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

2. Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: là hồ sơ có đầy đủ thành phần hồ sơ và thông tin thể hiện trong hồ sơ phải chi tiết, cụ thể, rõ ràng. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc thông tin thể hiện chưa chi tiết, cụ thể, rõ ràng thì chưa hợp lệ và phải được làm rõ, bổ sung.

Chương II

QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH GIÁ MUA SẮM, SỬA CHỮA TÀI SẢN CÔNG

Điều 4. Tài sản của nhà nước phải thẩm định giá

- Tài sản được mua bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách nhà nước;
- Tài sản của Nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn và các hình thức chuyển quyền khác;
- Tài sản của doanh nghiệp nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn, cổ phần hóa, giải thể và các hình thức chuyển đổi khác;
- Tài sản khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật phải thẩm định giá.

Điều 5. Quy trình thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản công

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản công theo quy định và gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch.
- Bước 2: Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp chưa đúng theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ phát hành Phiếu Yêu cầu hướng dẫn chi tiết một lần để đơn vị thực hiện bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.
- Bước 3: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 12 ngày làm việc, Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo kết quả thẩm định cho đơn vị.

Đối với các trường hợp phức tạp, thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng tối đa không quá 30 ngày làm việc theo quy định.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản công của đơn vị.
- Bảng báo giá của nhà cung cấp (chú ý miêu tả đầy đủ thông tin chi tiết về tên

gọi, nhãn hiệu, quy cách, xuất xứ, nơi sản xuất, năm sản xuất, thông số kỹ thuật đồng thời kèm theo catalogue và hình ảnh minh họa của tài sản).

Trường hợp cần thiết, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ phối hợp với cơ quan chủ quản của đơn vị tiến hành khảo sát thực tế để đánh giá nhu cầu mua sắm hoặc tình trạng hư hỏng của tài sản làm cơ sở trình Thường trực Ủy ban nhân dân quận xin chủ trương mua sắm hoặc sửa chữa.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Chương III

QUY TRÌNH TIẾP NHẬN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THANH LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 6. Thanh lý tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước được thanh lý trong các trường hợp sau đây:

- Tài sản hết hạn sử dụng;
- Tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;
- Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo phân cấp tại Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Việc thanh lý theo hình thức bán tài sản nhà nước được thực hiện công khai, theo cơ chế thị trường.

4. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản nhà nước, sau khi trừ các chi phí hợp lý liên quan được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quy trình thanh lý tài sản nhà nước:

1. Quy trình thanh lý tài sản nhà nước là nhà, công trình, vật kiến trúc trên đất và xe ô tô:

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị có nhu cầu thanh lý chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Bước 2: Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp chưa đúng theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ phát hành Phiếu Yêu cầu hướng dẫn chi tiết một lần để đơn vị thực hiện bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Bước 3: Kiểm tra và đánh giá thực tế tài sản thanh lý.

- Bước 4: Trình Thường trực Ủy ban nhân dân quận xin chủ trương thanh lý tài sản (đối với xe ô tô) và ban hành quyết định thành lập hội đồng bán thanh lý tài sản nhà nước (đối với nhà, công trình, vật kiến trúc trên đất).

- Bước 5: Hội đồng định giá và đề xuất phương thức xử lý.

- Bước 6: Trình Thường trực Ủy ban nhân dân quận phê duyệt phương thức xử lý.

- Bước 7: Thông báo bán thanh lý tài sản nhà nước. Hội đồng tổ chức bán thanh lý tài sản nhà nước có sự tham gia đầy đủ của các thành viên hội đồng và các cá nhân, đơn vị tham gia mua thanh lý tài sản nhà nước.

- Bước 8: Báo cáo kết quả thực hiện cho Thường trực Ủy ban nhân dân quận.

b) Thành phần, số lượng hồ sơ:

b.1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị xử lý;

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về thực hiện di dời theo quy hoạch, sắp xếp lại cơ sở làm việc; dự án, phương án đổi mới tài sản theo yêu cầu kỹ thuật, công nghệ để phục vụ hoạt động của đơn vị đã được phê duyệt hoặc biên bản xác định vi phạm quy định trong quản lý, sử dụng tài sản; báo cáo xử lý tài sản dư thừa không còn nhu cầu sử dụng, tài sản đã hư hỏng, xuống cấp cần xử lý,...

- Bảng kê số lượng và giá trị tài sản của đơn vị đề nghị xử lý;

- Biên bản của cơ quan chuyên môn hoặc của Hội đồng đánh giá chất lượng, tình trạng thực tế của tài sản cần xử lý của đơn vị;

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan có liên quan nếu theo quy định xử lý tài sản phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của các cơ quan này.

- Văn bản đề nghị thành lập hội đồng (đối với nhà, công trình và vật kiến trúc trên đất).

- Quyết định thành lập hội đồng (đối với nhà, công trình và vật kiến trúc trên đất).

b.2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (từ bước 3 đến bước 8).

Đối với các trường hợp phức tạp, thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng tối đa không quá 90 ngày (tài sản là nhà, công trình và vật kiến trúc trên đất) và 60 ngày (tài sản là xe ô tô) theo quy định.

2. Quy trình thanh lý tài sản nhà nước (không phân biệt tài sản cố định hay công cụ, dụng cụ lâu bền):

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị có nhu cầu thanh lý chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Bước 2: Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp chưa đúng theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ phát hành Phiếu Yêu cầu hướng dẫn chi tiết một lần để đơn vị thực hiện bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Bước 3: Phối hợp kiểm tra đánh giá thực tế tài sản thanh lý và tổng hợp trình Thường trực Ủy ban nhân dân quận.

- Bước 4: Sau khi được Thường trực Ủy ban nhân dân quận phê duyệt, đơn vị phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thanh lý.

- Bước 5: Báo cáo kết quả thanh lý tài sản trình Thường trực UBND quận phê duyệt.

b) Thành phần, số lượng hồ sơ:

b.1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thanh lý tài sản (kèm theo bảng liệt kê chi tiết tài sản thanh lý, số lượng, năm mua sắm, nguồn gốc tài sản, nguyên giá và giá trị còn lại).

- Biên bản kiểm tra, đánh giá chất lượng và tình trạng thực tế của tài sản thanh lý.

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan có liên quan nếu theo quy định xử lý tài sản phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của các cơ quan này.

b.2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c) Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối với các trường hợp phức tạp, thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng tối đa không quá 60 ngày theo quy định.

Chương IV

QUY TRÌNH ĐỊNH GIÁ, BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN, HÀNG HÓA BỊ TỊCH THU SUNG CÔNG QUỸ NHÀ NƯỚC

Điều 8. Quy trình định giá, bán đấu giá tài sản, hàng hóa bị tịch thu sung công quỹ nhà nước:

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị tổng hợp các quyết định tịch thu tài sản sung công quỹ nhà nước và chuyển giao Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Bước 2: Sau khi nhận được quyết định, trong vòng 15 ngày, Phòng Tài chính - Kế hoạch lập bảng kê chi tiết từng nhóm, loại tài sản và biên bản tiếp nhận tài sản.

- Bước 3: Tiến hành khảo sát giá, xây dựng giá khởi điểm, họp hội đồng để quyết định giá khởi điểm, nội dung bán đấu giá và thành phần được tham gia đấu giá. Trình Thường trực Ủy ban nhân dân quận giá chuẩn và phương thức bán đấu giá.

- Bước 4: Sau khi được Thường trực Ủy ban nhân dân quận phê duyệt, Phòng Tài chính - Kế hoạch tiến hành đăng báo Sài Gòn giải phóng 02 kỳ cách nhau 03 ngày, niêm yết thông báo bán đấu giá và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá.

Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch: tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá; kiểm tra xác định các tổ chức có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định; Thông báo, niêm yết công khai rộng rãi nội dung bán đấu giá; Trưng bày tài sản, thu tiền cọc và lệ phí đấu giá.

Đối với cá nhân đại diện tổ chức đăng ký đấu giá phải mang theo giấy giới thiệu hoặc chứng minh nhân dân của người được giới thiệu khi đến đăng ký (hoặc giấy ủy quyền nếu được đơn vị ủy quyền).

- Bước 5: Thực hiện bán đấu giá căn cứ theo lịch tổ chức đấu giá đã được thông báo, Hội đồng định giá và bán đấu giá sẽ tổ chức phiên bán đấu giá công khai với sự tham dự đầy đủ của các cá nhân đại diện tổ chức đã đăng ký tham gia đấu giá và các thành viên hội đồng.

Hình thức đấu giá: đấu giá công khai, trực tiếp bằng lời nói và tổ chức làm nhiều vòng.

Thời gian thực hiện từ Bước 3 đến Bước 5: 30 ngày làm việc.

Đối với các trường hợp phức tạp, thời gian thực hiện có thể kéo dài hơn nhưng tối đa không quá 37 ngày làm việc theo quy định.

- Bước 6: Báo cáo kết quả thực hiện cho Thường trực Ủy ban nhân dân quận.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy Đăng ký tham dự đấu giá mua tài sản tịch thu sung công quỹ Nhà nước;
- Giấy Đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể theo đúng ngành nghề liên quan đến tài sản tham dự đấu giá (bản sao có chứng thực);
- Giấy giới thiệu kèm chứng minh nhân dân của người đại diện hợp lệ tham dự đấu giá (bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3. Thời gian giao nhận hàng: người mua tài sản nộp tiền trúng đấu giá và nhận tài sản trong vòng 20 ngày, kể từ ngày trúng đấu giá.

Chương V

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Khiếu nại, tố cáo

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo những vi phạm pháp luật của cơ quan quản lý và cán bộ phụ trách trong quá trình thực hiện Quy trình này.

2. Thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 10. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Người có thành tích trong việc thực hiện Quy trình này sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Người vi phạm các quy định của Quy trình này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục hành chính quy định tại Quy trình này.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục hành chính quy định tại Quy trình này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân quận xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Quy trình này được áp dụng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực và giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thực hiện.

2. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các ban, ngành - đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy trình này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Châu Văn La

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2012/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 07 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định về nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối
trong rừng phòng hộ Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện - quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế quản lý Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế huyện tại Tờ trình số 68/TTR-KT ngày 08 tháng 12 năm 2011 ban hành Quy định về các hoạt động nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối trong rừng phòng hộ Cần Giờ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối trong rừng phòng hộ Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối trong rừng phòng hộ Cần Giờ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy định này điều chỉnh nuôi trồng thủy sản bằng các hình thức: đầm, đập, ao và sản xuất muối trong rừng phòng hộ Cần Giờ (gọi tắt là sản xuất trong Rừng phòng hộ).
2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối trong rừng phòng hộ Cần Giờ.
3. Mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng trong phạm vi điều chỉnh của Quy định này phải thực hiện việc kê khai sản xuất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các hoạt động đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất trong Rừng phòng hộ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý sản xuất trong rừng phòng hộ

1. Sản xuất trong Rừng phòng hộ phải đảm bảo các điều kiện về vệ sinh và bảo vệ môi trường; tuyệt đối không để lây lan dịch bệnh đối với hệ động vật, thực vật rừng và các vùng đất ngập nước nhằm bảo tồn, phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn và các yếu tố tự nhiên khác trong Rừng phòng hộ;
2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất trong Rừng phòng hộ phải thực hiện đúng nội dung đã kê khai và chịu sự giám sát, kiểm tra của cơ quan nhà nước có chức năng, đồng thời phải chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành liên quan.
3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức,

hộ gia đình, cá nhân sản xuất trong Rừng phòng hộ đủ điều kiện được kê khai và tổ chức sản xuất theo đúng hiện trạng, quy mô sản xuất tại thời điểm kê khai. Các hoạt động sản xuất trong Rừng phòng hộ phải giữ nguyên trạng, không được mở rộng phạm vi sản xuất trên diện tích rừng, đất lâm nghiệp đã được quy hoạch là Rừng phòng hộ;

4. Các hoạt động sản xuất trong Rừng phòng hộ phải được kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều kiện để được hoạt động sản xuất trong Rừng phòng hộ

1. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tiến hành sản xuất trong Rừng phòng hộ phải được sự đồng ý của Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Những tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sản xuất trong Rừng phòng hộ khi tiến hành sửa chữa, gia cố phải lập phương án theo quy định và được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ phê duyệt.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG RỪNG PHÒNG HỘ

Điều 4. Quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

1. Trong quá trình hoạt động sản xuất trong Rừng phòng hộ, tổ chức, cá nhân được Nhà nước đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp theo pháp luật, ngoài ra còn được hưởng một số quyền lợi sau:

a) Được triển khai các hoạt động theo thiết kế hoặc phương án sản xuất đã được Ban Quản lý Rừng phòng hộ chấp thuận theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

b) Được thực hiện việc sửa chữa, gia cố các khu vực sản xuất theo Quy định này.

c) Được hưởng mọi thành quả lao động của mình mang lại từ hoạt động sản xuất trong Rừng phòng hộ.

d) Được cơ quan chuyên ngành phổ biến về các quy định của pháp luật, hỗ trợ tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đất đai; bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ môi trường; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phòng cháy và chữa cháy; bảo vệ an ninh quốc phòng.

b) Thực hiện các hoạt động sản xuất đúng địa điểm, hiện trạng, diện tích, hình thức, quy mô đã kê khai và được Ban Quản lý Rừng phòng hộ chấp thuận.

c) Có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng trong tổ chức thực hiện công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng trong khu vực; có nghĩa vụ báo ngay cho cơ quan chức năng nơi gần nhất nếu phát hiện các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật trong khu vực mình đang sản xuất.

d) Không được ngăn cản, gây khó khăn trở ngại các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, trồng và chăm sóc rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng và các hoạt động khác trong khu vực sản xuất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

e) Sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả diện tích đất, mặt nước được phép sản xuất và kết hợp với chủ rừng tổ chức thực hiện công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng trong khu vực.

f) Thực hiện nghĩa vụ tài chính về sử dụng đất, mặt nước để sản xuất trong Rừng phòng hộ theo quy định của pháp luật và chấp hành các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi nhà nước thực hiện quy hoạch.

Điều 5. Quy định về kỹ thuật đối với các công trình sản xuất trong Rừng phòng hộ

1. Bờ bao khu vực nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối chỉ được đắp với chiều cao tối đa không vượt quá 40 cm so với mực nước triều cao nhất hàng năm.

2. Khu vực nuôi trồng thủy sản phải mở cống xả, lấy nước phù hợp với quy mô diện tích, có biện pháp bảo vệ, gia cố chống sạt lở; khối lượng nước trữ trong đầm, đập đảm bảo cho đất rừng luôn đạt được chế độ triều lên xuống tự nhiên trong ngày (khi mực nước đạt đỉnh triều thì nền rừng ngập nước, khi thủy triều xuống thấp nước trên nền rừng cũng xuống theo và không bị ngập úng trong rừng).

3. Hạn chế đến mức thấp nhất việc di dời, thay đổi cống xả nước đầm, đập (trong trường hợp cần thiết phải di chuyển phải có phương án cụ thể và có ý kiến của các cơ quan chức năng); phải thường xuyên có biện pháp bảo vệ và gia cố mương dẫn nước bên ngoài cống xả chống sạt lở gây thiệt hại đến cây rừng và đất rừng.

Điều 6. Quy định về sửa chữa, gia cố công trình, bờ bao khu vực sản xuất trong Rừng phòng hộ

1. Khu vực được lấy đất: Được lấy đất bãi bồi tiếp giáp Rừng phòng hộ, phía trong Rừng phòng hộ chỉ được lấy đất ở các khu vực không có cây rừng. Việc lấy đất không gây sạt lở đất rừng, không gây ảnh hưởng đến cây rừng và quá trình sinh trưởng phát triển rừng ở khu vực kế cận và không gây ảnh hưởng đến các khu vực sản xuất khác.

2. Quy mô và hình thức lấy đất: Tại một vị trí chỉ được lấy đất một lần, với độ sâu không quá 1,5m; chỉ được sử dụng các dụng cụ thủ công, không được sử dụng phương tiện cơ giới để lấy đất.

Điều 7. Các hành vi không được thực hiện

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không được thực hiện những hành vi sau:

1. Tổ chức sản xuất trong Rừng phòng hộ khi chưa được Ban Quản lý Rừng phòng hộ chấp thuận

2. Tại khu vực sản xuất, không được tự ý lấn chiếm làm thay đổi hiện trạng hoặc mở rộng diện tích, môi trường tự nhiên bên ngoài diện tích đã kê khai và ngăn dòng làm thay đổi dòng chảy của hệ thống sông, rạch tự nhiên trong Rừng phòng hộ.

3. Trữ nước trong các đầm, đập, ao nuôi thủy sản cao hơn mặt đất tự nhiên gây ngập úng trong rừng.

4. Xây dựng các công trình kiên cố, đưa phương tiện cơ giới trong việc đào, đắp, sửa chữa, gia cố các công trình sản xuất trong Rừng phòng hộ.

5. Xây dựng các công trình sản xuất, phục vụ sản xuất làm ảnh hưởng đến giao thông thủy.

6. Chặt phá, hủy hoại cây rừng, đất rừng hoặc thực hiện các hoạt động sản xuất gây ảnh hưởng xấu đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Chương III**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CÁC CƠ QUAN****Điều 8. Trách nhiệm cơ quan quản lý nhà nước địa phương**

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về rừng,

đất lâm nghiệp và quản lý hoạt động sản xuất trong rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật trong phạm vi địa giới hành chính; thực hiện các nhiệm vụ có liên quan theo phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 9. Trách nhiệm cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành

1. Phòng Kinh tế huyện:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành các văn bản liên quan đến công tác quản lý nhà nước về sản xuất trong Rừng phòng hộ.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các trường hợp sửa chữa, gia cố công trình, bờ bao khu vực sản xuất trong Rừng phòng hộ.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trong công tác quản lý nhà nước về tình hình sử dụng đất, tài nguyên, môi trường, đa dạng sinh học trong phạm vi Rừng phòng hộ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã và các ban, ngành liên quan kiểm tra, rà soát lại diện tích sản xuất muối trong phạm vi ranh giới Rừng phòng hộ, khu tiếp giáp Rừng phòng hộ, tổ chức đóng mốc ranh giới để quản lý.

3. Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ là đơn vị chủ rừng có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về kê khai các hoạt động sản xuất trong rừng phòng hộ và tổ chức thẩm định thực trạng sản xuất; hướng dẫn cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về sửa chữa, gia cố công trình, bờ bao khu vực sản xuất trong Rừng phòng hộ trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết.

b) Quản lý danh sách các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sản xuất trong rừng phòng hộ; Kiểm tra, giám sát và báo cáo tình hình sản xuất trong Rừng phòng hộ trình Ủy ban nhân dân huyện.

4. Hạt Kiểm lâm huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nói chung và các hoạt động về sản xuất trong rừng phòng hộ nói riêng. Trực tiếp xử lý kịp thời các hành vi vi phạm đến tài nguyên rừng theo thẩm quyền.

5. Các lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng đóng trên địa bàn huyện có trách nhiệm kết hợp các cơ quan chức năng và theo thẩm quyền hỗ trợ, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm có liên quan trong Rừng phòng hộ.

Chương IV
THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI
CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG RỪNG PHÒNG HỘ

Điều 10. Thanh tra, kiểm tra

1. Phòng Tài Nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được Ủy ban nhân dân huyện phân công định kỳ hoặc đột xuất thanh tra, kiểm tra đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan trong việc thực hiện, chấp hành quy định này.

2. Các phòng chức năng huyện, Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ, Hạt Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ được giao thường xuyên hoặc định kỳ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát sản xuất trong rừng phòng hộ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong địa bàn phụ trách.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sản xuất trong Rừng phòng hộ có trách nhiệm liên hệ với Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ để được hướng dẫn kê khai theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần thay đổi, bổ sung thì Phòng Kinh tế phối hợp Ban Quản lý Rừng phòng hộ và các đơn vị, ban, ngành có liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Cách Mạng

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1111/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2012 - 2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn năm 2010 - 2014;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-BTP ngày 22 tháng 3 năm 2011 của Bộ Tư pháp phê duyệt Kế hoạch triển khai các hoạt động năm 2011 Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn năm 2010 - 2014;

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-BTP ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2011;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

Căn cứ Chỉ thị số 18/2008/CT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 386/TTr-STP ngày 19 tháng 01 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2012 - 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở - ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2012 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Sự cần thiết xây dựng chương trình:

Trong thời gian qua, nhiều đạo luật quan trọng có liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp đã được ban hành như: Luật Doanh nghiệp (1999 và 2005); Luật Doanh nghiệp Nhà nước (1995 và 2003), Luật Đầu tư (2005), Luật Hợp tác xã (2003), Bộ luật Dân sự (2005), Luật Thương mại (2005), Luật Cạnh tranh (2004), Luật Sở hữu trí tuệ (2005), Luật Phá sản (2003) và nhiều văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các Luật, Nghị định cùng với các quy định cụ thể của thành phố đã tạo ra hành lang pháp lý tương đối đầy đủ, chặt chẽ để các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo thống kê, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 188.750 doanh nghiệp thành lập mới, trong đó gồm 24.087 Doanh nghiệp tư nhân, 108.091 Công ty TNHH hai thành viên, 33.321 Công ty TNHH Một thành viên, 23.242 Công ty cổ phần và 9 Công ty hợp danh. Số lượng doanh nghiệp và số vốn đăng ký kinh doanh đã liên tục tăng qua các năm, tổng số vốn đăng ký kinh doanh là 1.460.504.740 triệu đồng. Do đó, nhu cầu về tiếp cận, tra cứu hệ thống pháp luật để bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng phù hợp với quy định pháp luật, phòng ngừa các rủi ro trong kinh doanh là một nhu cầu khách quan cần được đáp ứng kịp thời.

Qua khảo sát tại một số doanh nghiệp của thành phố cho thấy công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được các cơ quan Trung ương và Sở, ban, ngành thành phố triển khai thực hiện, nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận tốt hơn

với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa tiếp cận hoặc hiểu không đầy đủ pháp luật về kinh doanh. Tình trạng này có nguyên nhân do doanh nghiệp chưa chú trọng đầu tư nguồn lực để tiếp cận thông tin pháp luật, chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của việc nghiên cứu, áp dụng pháp luật vào hoạt động kinh doanh để hạn chế các rủi ro pháp lý trong kinh doanh, dẫn đến dễ bị thiệt hại khi gặp phải vướng mắc, tranh chấp trong hoạt động kinh doanh. Nhất là đối với lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế thì hầu như các doanh nghiệp ít quan tâm (trừ các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất nhập khẩu), điều này dẫn đến nhiều rủi ro cho doanh nghiệp khi tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Theo kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, việc xây dựng một “*Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2012 -2015*” là thực sự cần thiết, nhằm giải quyết các nhu cầu cơ bản về hỗ trợ pháp lý hiện nay trong cộng đồng doanh nghiệp, bao gồm: nhu cầu tiếp cận các văn bản pháp luật; nhu cầu được bồi dưỡng kiến thức pháp luật; nhu cầu được giải đáp pháp luật; nhu cầu kiến nghị và được tiếp nhận kiến nghị. Theo đó, triển khai đồng bộ các hoạt động trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp với mục tiêu hàng đầu là nâng cao nền tảng pháp lý cho doanh nghiệp, sự chủ động áp dụng pháp luật trong hoạt động quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; huy động sự chung sức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các hiệp hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp là rất quan trọng.

2. Cơ sở pháp lý xây dựng Chương trình:

- Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

- Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn năm 2010 - 2014;

- Quyết định số 1676/QĐ-BTP ngày 03 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

- Quyết định số 31/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp giai đoạn 2009 - 2012;

- Quyết định số 355/QĐ-BTP ngày 22 tháng 3 năm 2011 của Bộ Tư pháp phê duyệt Kế hoạch triển khai các hoạt động năm 2011 Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010 - 2014;

- Quyết định số 584/QĐ-BTP ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2011;

- Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

- Chỉ thị số 18/2008/CT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ PHÁP LÝ

Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện đối với mọi doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp), không phân biệt hình thức sở hữu, hình thức tổ chức, quy mô kinh doanh và lĩnh vực hoạt động; bảo đảm đúng nguyên tắc, hình thức, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương và nhu cầu của từng đối tượng được hỗ trợ pháp lý.

Trong đó, chú trọng đối với doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực thương mại - dịch vụ (Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; Thương mại; Du lịch; Dịch vụ vận tải, cảng và kho bãi; Bưu chính, viễn thông, thông tin và truyền thông; Kinh doanh tài sản, bất động sản; Dịch vụ tư vấn, khoa học, công nghệ; Y tế; Giáo dục - đào tạo), các ngành công nghiệp trọng yếu có hàm lượng khoa học - công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn (cơ khí, điện tử - viễn thông - tin học, hóa dược và tinh chế lương thực - thực phẩm).

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát:

Mục tiêu chung của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Thông qua các hoạt động, Chương trình hướng đến giải quyết cơ bản các

vấn đề vướng mắc về mặt pháp lý của doanh nghiệp; thông tin pháp lý, phổ biến, cung cấp kiến thức pháp luật kinh doanh từ cơ bản đến nâng cao cho doanh nghiệp; hỗ trợ kỹ năng, nghiệp vụ pháp chế doanh nghiệp; tạo chuyển biến cơ bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; tạo lập các điều kiện cần thiết phục vụ cho hoạt động áp dụng pháp luật để giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, phòng chống rủi ro pháp lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Hỗ trợ cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận, nghiên cứu và áp dụng các cơ chế, chính sách của Nhà nước, các văn bản pháp luật, thông tin pháp luật liên quan đến doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật nhằm cung cấp các thông tin pháp lý trong nước, quốc tế cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện để doanh nghiệp hỗ trợ, nâng cao năng lực của các cán bộ, chuyên viên, cộng tác viên, cơ quan, tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

- Huy động, khuyến khích mọi nguồn lực của thành phố để hình thành và phát triển mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp (chú trọng vai trò của các tổ chức đại diện doanh nghiệp, các Trung tâm, Hội, Viện nghiên cứu).

- Thúc đẩy sự phát triển của tổ chức pháp chế trong doanh nghiệp.

- Phổ biến, nâng cao ý thức pháp luật của doanh nghiệp trong việc chủ động tìm hiểu và áp dụng pháp luật, nguyên tắc tuân thủ và chấp hành pháp luật nhằm nâng cao kỹ năng pháp lý, kỹ năng về kiến thức pháp luật quốc tế, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nâng cao và hỗ trợ công tác khai thác cơ sở dữ liệu, tăng cường công tác giới thiệu, phổ biến và bồi dưỡng pháp luật Việt Nam để phục vụ cho hoạt động doanh nghiệp:

a) Tiếp tục củng cố, hoàn thiện Trang thông tin điện tử về văn bản quy phạm pháp luật của thành phố; thường xuyên cập nhật những quy định pháp luật mới do các

cơ quan có thẩm quyền của thành phố ban hành; rà soát hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi, quản lý tốt hệ thống cơ sở dữ liệu.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (Trung tâm Tin học Thành phố, Trung tâm Công báo Thành phố).

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; các Sở - ban, ngành liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

b) Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cấp Trang thông tin điện tử của cơ quan Sở - ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện; chú trọng các chuyên trang, chuyên mục pháp luật về doanh nghiệp bao gồm: các văn bản pháp luật chuyên ngành, các thủ tục hành chính theo lĩnh vực quản lý của các Sở - ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện; tiếp tục hoàn thiện nội dung lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở - ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

c) Biên soạn, phát hành và phổ biến các tài liệu giới thiệu văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan trung ương, thành phố ban hành có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (trừ các văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước); tài liệu bồi dưỡng pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp về kỹ năng, nghiệp vụ cho chuyên viên làm công tác pháp chế theo các chuyên đề phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp, như: hỗ trợ doanh nghiệp thực thi pháp luật về hợp đồng, sở hữu, thực hiện quyền sở hữu đối với vốn góp trong doanh nghiệp, đất đai, thực thi pháp luật về thuế, hải quan (tập trung vào việc cải cách thủ tục hành chính, hải quan điện tử), ký kết và thực hiện hợp đồng, tài chính, tín dụng, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, lao động và hợp đồng lao động, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, công đoàn, pháp luật xử lý vi phạm trong kinh doanh, giải quyết tranh chấp bằng hình thức hòa giải và tổ tụng trọng tài, phá sản và một số lĩnh vực khác.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp (Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố).

- Cơ quan phối hợp: Các Sở - ban, ngành; các tổ chức đại diện doanh nghiệp; các Trung tâm, Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố và các tổ chức cung cấp dịch vụ đào tạo có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Xây dựng kế hoạch và triển khai hàng năm.

2. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về pháp lý cho doanh nghiệp:

a) Đề án nâng cao kiến thức về pháp luật thương mại quốc tế, giới thiệu những quy định Điều ước quốc tế về thương mại mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, phổ biến về hàng rào thương mại và các quy định khác nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trong công tác hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập WTO.

Trong đó tập trung nâng cao trình độ, nghiệp vụ, kỹ năng trong vấn đề đàm phán, ký kết hợp đồng thương mại quốc tế, tranh chấp các hợp đồng thương mại quốc tế theo phương thức trọng tài.

Các nội dung cụ thể bao gồm:

(i) Tập huấn kỹ năng pháp lý trong thương mại quốc tế cho luật sư, luật gia và các cán bộ pháp chế của các doanh nghiệp.

(ii) Chọn lọc tài liệu về các hiệp định tự do thương mại, các Điều ước quốc tế về thương mại mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia; biên dịch và giới thiệu trên trang web của Trung tâm WTO.

(iii) Biên soạn, biên dịch các tài liệu chuyên sâu về quy định thương mại quốc tế, về điều kiện gia nhập thị trường, về hàng rào kỹ thuật, các thủ tục xuất khẩu vào thị trường chính và các thị trường tiềm năng; để phổ biến cho các doanh nghiệp bằng nhiều phương thức khác nhau.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm hỗ trợ hội nhập WTO (Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố).

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, các Sở - ban ngành có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Quý I năm 2012 và triển khai hàng năm.

b) Tổ chức triển khai công tác trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp: các Sở - ban, ngành liên quan; Trung tâm dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa; các tổ chức đại diện của doanh nghiệp tại địa phương; các tổ chức cung cấp dịch vụ đào tạo.

- Thời gian thực hiện: Triển khai hàng năm.

c) Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật về kinh doanh cho các đối tượng cụ thể có liên quan đến doanh nghiệp.

Đối tượng tập huấn:

(i) Bồi dưỡng cho người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

(ii) Bồi dưỡng cho người quản lý nhân sự trong doanh nghiệp;

(iii) Bồi dưỡng cho người quản lý tài chính, kế toán trong doanh nghiệp;

(iv) Bồi dưỡng cho cán bộ pháp chế trong doanh nghiệp.

(v) Bồi dưỡng cho các chức danh quản lý như Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp (Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố).

- Cơ quan phối hợp: các Sở - ban, ngành liên quan; Ban Đổi mới Quản lý Doanh nghiệp.

- Thời gian thực hiện: Xây dựng kế hoạch và triển khai hàng năm.

3. Tăng cường công tác tư vấn, xây dựng mạng lưới tư vấn và giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp:

a) Đề án hỗ trợ, nâng cấp và phát triển Trung tâm tư vấn pháp luật trực thuộc Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố với mục tiêu tư vấn pháp luật miễn phí phục vụ riêng cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, giải quyết cơ bản các vấn đề vướng mắc về mặt pháp lý của doanh nghiệp.

- Cơ quan chủ trì: Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố.

- Thời gian thực hiện: Quý II năm 2012.

b) Xây dựng Kế hoạch nâng cấp Hệ thống Đối thoại Doanh nghiệp - Chính quyền thành phố theo Chỉ thị số 18/2008/CT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008. Trên cả hai hình thức:

Đổi thoại qua mạng (www.doithoaidn.hochiminhcity.gov.vn): Điều hành tốt hoạt động Hệ thống Đổi thoại Doanh nghiệp và Chính quyền thành phố, đảm bảo Hệ thống hoạt động liên tục, trả lời đúng hạn các câu hỏi của doanh nghiệp theo quy định.

Đổi thoại trực tiếp: Tăng cường hoạt động đổi thoại trực tiếp, mỗi năm tổ chức ít nhất 10 cuộc đổi thoại trực tiếp với nhiều chủ đề khác nhau để phổ biến các chính sách mới của Nhà nước và giải thích, giải quyết kịp thời các vướng mắc khó khăn của doanh nghiệp, tăng cường hoạt động phối hợp với các quận tổ chức các buổi đổi thoại trực tiếp tại địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

c) Triển khai thực hiện việc giải đáp pháp luật thông qua các hình thức: giải đáp bằng văn bản; giải đáp thông qua mạng điện tử; giải đáp trực tiếp hoặc thông qua điện thoại (xây dựng “đường dây nóng”) và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch quy định cụ thể về cách thức, thời gian và quy trình thực hiện cho mỗi hình thức giải đáp pháp luật, quy định bộ phận đầu mối tiếp nhận, bộ phận thực hiện giải đáp một cách cụ thể rõ ràng, và trách nhiệm của cán bộ tại từng khâu thực hiện để đảm bảo công tác giải đáp pháp luật được thực hiện có hiệu quả.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở - ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận - huyện.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4. Đề án nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Trọng tài Thương mại trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và các văn bản liên quan nhằm bồi dưỡng kiến thức pháp luật trọng tài thương mại đến các doanh nghiệp:

- Cơ quan thực hiện: Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cơ quan phối hợp: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; các Sở - ban, ngành có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Quý I năm 2012.

5. Đề án nâng cao hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành được ưu tiên chú trọng và các ngành công nghiệp trọng yếu của thành phố:

Các ngành thương mại - dịch vụ chủ yếu: Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; Thương mại; Du lịch; Dịch vụ vận tải, cảng và kho bãi; Bru chính, viễn thông, thông tin và truyền thông; Kinh doanh tài sản, bất động sản; Dịch vụ tư vấn, khoa học, công nghệ; Y tế; Giáo dục - đào tạo.

Các ngành công nghiệp trọng yếu có hàm lượng khoa học - công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn: Cơ khí, điện tử - viễn thông - tin học, hóa dược và tinh chế lương thực - thực phẩm.

- Cơ quan chủ trì: Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố.
- Cơ quan phối hợp: các Sở - ban, ngành có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Triển khai hàng năm.

6. Nâng cao công tác tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật:

Tổ chức tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp thông qua hình thức văn bản, ý kiến của các doanh nghiệp tại các Hội thảo, Tọa đàm, kiến nghị thông qua trang thông tin điện tử, v.v...; xử lý những kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện các quy định pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực hoặc địa phương do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý.

- Cơ quan thực hiện: các Sở - ban, ngành, đơn vị có liên quan.
- Cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả tiếp nhận kiến nghị: Sở Tư pháp.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nâng cao trách nhiệm triển khai, thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố:

a) Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thực hiện theo nguyên tắc chủ động và có sự phối hợp chặt chẽ, cộng đồng trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các ban, ngành, đoàn thể theo quy định của pháp luật.

b) Nâng cao sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, các tổ chức dịch vụ pháp lý nhằm triển khai thực hiện đồng bộ, chặt chẽ và hiệu quả đáp ứng được yêu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

c) Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm được quy định tại Chỉ thị số 18/2008/CT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Tăng cường thực hiện quy định về tổ chức pháp chế trên địa bàn thành phố:

a) Tiếp tục thực hiện quản lý các doanh nghiệp Nhà nước, thực hiện đúng quy định về tổ chức pháp chế được quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế. Khuyến khích các doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP áp dụng mô hình tổ chức pháp chế (Phòng Pháp chế, cán bộ pháp chế) tại doanh nghiệp nhằm tăng cường khả năng tiếp cận các thông tin pháp lý của doanh nghiệp, giảm thiểu tối đa các rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

b) Nâng cao năng lực cho tổ chức pháp chế các Sở - ban, ngành, đơn vị có liên quan và cán bộ, công chức làm công tác pháp chế tại các doanh nghiệp.

- Tăng cường năng lực cho tổ chức pháp chế các Sở - ban, ngành, doanh nghiệp nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả các hình thức, phương pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: kết hợp các phương thức truyền thống với các phương thức hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với từng nội dung, từng đối tượng, từng địa phương. Tăng cường tiếp xúc doanh nghiệp để nắm bắt được các vướng mắc, khó khăn và nhu cầu cần hỗ trợ của doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò của trọng tài thương mại trong tố tụng thương mại; khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng phương thức trọng tài khi có tranh chấp thương mại.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường nguồn lực để tiếp cận với thông tin pháp lý, sử dụng tư vấn pháp luật để áp dụng, thi hành pháp luật và phòng, chống rủi ro về mặt pháp lý trong kinh doanh bằng các hình thức như: ký kết hợp đồng tư vấn với các Văn phòng Luật sư, Công ty Luật, sử dụng dịch vụ hỗ trợ pháp lý, thuê Luật sư tư vấn, bố trí bộ phận pháp chế doanh nghiệp, tham gia Câu lạc bộ Pháp chế doanh nghiệp.

3. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nâng cao công tác kiểm soát thủ tục hành chính:

a) Tăng cường thông tin, phổ biến để doanh nghiệp có thể tiếp cận với các văn bản quy phạm pháp luật một cách kịp thời, nhanh chóng theo đúng quy định của pháp luật; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành, tuân thủ pháp luật và thói quen sử dụng tư vấn pháp luật của doanh nghiệp.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính trên địa bàn thành phố; thực hiện tốt các quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VPCP-BNV ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ và Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của bộ phận kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Nâng cao công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt quy định về “Lấy ý kiến về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật” có liên quan đến hoạt động doanh nghiệp được quy định tại Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Kinh phí thực hiện Chương trình:

a) Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước và kinh phí đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, doanh nghiệp tham gia Chương trình.

b) Phân bổ kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện Chương trình được dự toán trong ngân sách hàng năm của Ủy ban nhân dân Thành phố. Hàng năm, trên cơ sở nội dung Chương trình đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí hàng năm trong dự toán được giao của cơ quan chủ trì xây dựng thực hiện các đề án, kế hoạch.

c) Khuyến khích các doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức hỗ trợ, tài trợ kinh phí thực hiện Chương trình.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm chung về tổ chức thực hiện Chương trình; chỉ đạo, theo dõi và giám sát việc triển khai Chương trình; định kỳ hàng năm

tổng hợp tiến độ, kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

b) Tổ chức việc thu thập văn bản, hệ thống, rà soát hiệu lực văn bản. Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả rà soát, trình Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Quyết định xử lý kết quả rà soát.

c) Là cơ quan đầu mối tiếp nhận các kiến nghị của doanh nghiệp từ các Sở - ngành, tổ chức, Hiệp hội trên địa bàn thành phố; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền; hoặc kiến nghị các cơ quan Trung ương đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền ban hành của cơ quan Trung ương.

2. Trách nhiệm phối hợp của các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các đơn vị có liên quan:

a) Các Sở - ban, ngành, đơn vị liên quan được phân công xây dựng đề án, kế hoạch và kinh phí thực hiện các đề án, kế hoạch nêu tại Mục IV Chương trình trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức rà soát, cập nhật các văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của mình; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Tư pháp theo dõi, tổng hợp, báo cáo theo quy định.

b) Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí và hướng dẫn các cơ quan chủ trì đề án, kế hoạch quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí theo quy định. Hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện xây dựng dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước, bảo đảm cho công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp.

c) Sở Nội vụ, Ban Đổi mới Quản lý Doanh nghiệp Thành phố phối hợp với Sở Tư pháp, các Sở - ban, ngành thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước của thành phố thực hiện Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Đề án xây dựng và kiện toàn tổ chức pháp chế tại cơ quan chuyên môn và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011.

d) Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các phương tiện thông tin truyền thông

giới thiệu và tuyên truyền về hoạt động của Chương trình để nhân rộng kết quả của chương trình.

đ) Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh đẩy mạnh việc trao đổi thông tin với các Sở quản lý chuyên ngành nhằm phục vụ công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có liên quan đến kiều bào.

e) Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương; phối hợp với các Sở - ban, ngành, đơn vị có liên quan được giao nhiệm vụ thực hiện các Đề án, Kế hoạch, chủ động lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, giám sát quản lý việc thực hiện chương trình và thực hiện chế độ báo cáo hàng năm gửi Sở Tư pháp./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1165/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về nâng mức phụ cấp đối với khu phố - ấp, tổ dân phố - tổ nhân dân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân Thành phố về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng mức phụ cấp hàng tháng đối với khu phố - ấp, tổ dân phố - tổ nhân dân (ngoại trừ các ấp, tổ nhân dân thuộc các xã xây dựng nông thôn mới) như sau:

- Khu phố - ấp từ 2.500.000 đồng/tháng lên 3.500.000 đồng/tháng.
- Tổ dân phố - tổ nhân dân từ 250.000 đồng/tháng lên 350.000 đồng/tháng.

Thời gian thực hiện: áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1166/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về mức phụ cấp cho cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách
và phụ cấp đối với ấp, tổ nhân dân thuộc các xã xây dựng nông thôn mới**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại Văn bản số 677-CV/VPTU ngày 15 tháng 4 năm 2011, Thông báo số 69-TB/VPTU ngày 17 tháng 6 năm 2011 về một số chính sách đối với các xã xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân Thành phố về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách công tác tại các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố với mức 500.000 đồng/người/tháng.

Thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Riêng đối với 6 xã thí điểm xây dựng nông thôn mới (Tân Thông Hội và Thái Mỹ huyện Củ Chi, Xuân Thới Thượng huyện Hóc Môn, Tân Nhựt huyện Bình Chánh, Nhơn Đức huyện Nhà Bè và Lý Nhơn huyện Cần Giờ) áp dụng kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2011.

Điều 2. Phụ cấp hàng tháng đối với ấp, tổ nhân dân thuộc các xã xây dựng nông thôn mới như sau:

1. Áp: 4.000.000 đồng/tháng.

Thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Riêng đối với 6 xã thí điểm xây dựng nông thôn mới (Tân Thông Hội và Thái Mỹ huyện Củ Chi, Xuân Thới Thượng huyện Hóc Môn, Tân Nhựt huyện Bình Chánh, Nhơn Đức huyện Nhà Bè và Lý Nhơn huyện Cần Giờ) áp dụng kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2011.

2. Tổ nhân dân: 500.000 đồng/tháng.

Thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Riêng đối với 6 xã thí điểm xây dựng nông thôn mới (Tân Thông Hội và Thái Mỹ huyện Củ Chi, Xuân Thới Thượng huyện Hóc Môn, Tân Nhựt huyện Bình Chánh, Nhơn Đức huyện Nhà Bè và Lý Nhơn huyện Cần Giờ) áp dụng kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1173/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đặt tên đường mới trên địa bàn quận 2

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VII về bổ sung Quỹ đặt, đổi tên đường của thành phố;

Xét Tờ trình số 5976/TTr-SVHTTDL ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc đặt tên đường mới trên địa bàn quận 2 và ý kiến thống nhất của Hội đồng đặt mới, sửa đổi tên đường, công viên, quảng trường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tại cuộc họp ngày 08 tháng 11 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đặt tên mới cho 39 (Ba mươi chín) đường và điều chỉnh lý trình cho 01 (một) tuyến đường trên địa bàn quận 2 (danh sách tên đường kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây

dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân quận 2 theo chức năng của mình, tổ chức thực hiện những vấn đề có liên quan đến việc đặt tên đường mới và điều chỉnh lý trình tuyến đường nêu ở Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng đặt mới, sửa đổi tên đường, công viên, quảng trường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan nêu tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH

Đường đặt tên mới trên địa bàn quận 2

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1173/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	TÊN ĐƯỜNG	LÝ TRÌNH
1.	ĐỒNG VĂN CỐNG	Đặt tên cho đường Liên tỉnh lộ 25B. Từ đường Đại lộ Đông - Tây đến đường Nguyễn Thị Định. Dài 3.000m.
2.	PHAN VĂN ĐÁNG	Đặt tên cho đường C dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến đường số 2 dự án 174 ha. Dài 260m.
3.	NGUYỄN AN	Đặt tên cho đường C dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường số 3 dự án 174 ha đến đường số 4 dự án 174 ha. Dài 200m.
4.	TRƯƠNG VĂN BANG	Đặt tên cho đường số 2 dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ sông Giồng Ông Tố đến cuối đường. Dài 3.450m.
5.	NGUYỄN VĂN KINH	Đặt tên cho đường số 3 dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường A dự án 174 ha đến đường H dự án 174 ha. Dài 1.750m.
6.	NGUYỄN THANH SƠN	Đặt tên cho đường D dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến đường số 4 dự án 174 ha. Dài 900m.

7.	LÊ HIẾN MAI	Đặt tên cho đường B dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến đường số 4 dự án 174 ha. Dài 900m.
8.	BÁT NÀN	Đặt tên cho đường A dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường số 2 dự án 174 ha đến đường số 4 dự án 174 ha. Dài 500m.
9.	TẠ HIỆN	Đặt tên cho đường A dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến đường số 4 dự án 174 ha. Dài 900m.
10.	ĐẶNG NHƯ MAI	Đặt tên cho đường E dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến đường số 2 dự án 174 ha. Dài 900m.
11.	NGUYỄN ĐỊA LÔ	Đặt tên cho đường F dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến đường số 3 dự án 174 ha. Dài 550m.
12.	LÂM QUANG KY	Đặt tên cho đường G dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến đường H dự án 174 ha. dài 1.070m.
13.	NGUYỄN KHOA ĐĂNG	Đặt tên cho đường H dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến đường số 4 dự án 174 ha. dài 1.750m.
14.	PHAN BÁ VÀNH	Đặt tên cho đường I dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường số 4 dự án 174 ha đến cuối đường. Dài 700m.
15.	NGUYỄN MỘNG TUÂN	Đặt tên cho đường Không tên dự án 174 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến đường số 2 dự án 174 ha. Dài 300m.

16.	TRƯỜNG GIA MÔ	Đặt tên cho đường H dự án 143 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến cuối đường. Dài 1.850m.
17.	NGUYỄN QUANG BẬT	Đặt tên cho đường số 8 dự án 143 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường B dự án 143 ha đến cuối đường. Dài 550m.
18.	ĐÀM VĂN LỄ	Đặt tên cho đường số 6 dự án 143 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường A dự án 143 ha đến cuối đường. Dài 620m.
19.	PHẠM THẬN DUẬT	Đặt tên cho đường số 4 dự án 143 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường A dự án 143 ha đến cuối đường. Dài 500m.
20.	PHẠM CÔNG TRÚ	Đặt tên cho đường B dự án 143 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến cuối đường. Dài 1.550m.
21.	PHẠM HY LƯỢNG	Đặt tên cho đường D dự án 143 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường số 2 dự án 143 ha đến đường B dự án 143 ha. Dài 555m.
22.	PHẠM ĐÔN LỄ	Đặt tên cho đường C1 dự án 143 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường số 1 dự án 143 ha đến đường số 6 dự án 143 ha. Dài 514m.
23.	NGUYỄN TRỌNG QUẢN	Đặt tên cho đường số 7 dự án 143 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Liên Tỉnh lộ 25B đến đường B dự án 143 ha. Dài 400m.
24.	VŨ PHƯƠNG ĐỀ	Đặt tên cho đường số 6 dự án 143 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Ven Sông dự án 143 ha đến cuối đường. Dài 500m.

25.	QUÁCH GIAI	Đặt tên cho đường E dự án 143 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường số 1 dự án 143 ha đến cuối đường. Dài 550m.
26.	SỬ HY NHAN	Đặt tên cho đường số 1 dự án 143 ha, phường Thạnh Mỹ Lợi. Từ đường Ven Sông dự án 143 ha đến cuối đường. Dài 760m.
27.	NGUYỄN HOÀNG	Đặt tên cho đường Vành đai phía Đông dự án 131 ha, phường An Phú. Từ đường Xa lộ Hà Nội đến cuối đường. Dài 1.400m.
28.	VŨ TÔNG PHAN	Đặt tên cho đường số 2 dự án 131 ha, phường An Phú. Từ đường Văn phòng đại diện dự án 131 ha đến đường số 3 dự án 131 ha. Dài 1.200m.
29.	TRẦN LỰU	Đặt tên cho đường số 3 dự án 131 ha, phường An Phú. Từ đường số 2 dự án 131 ha đến cuối đường. Dài 1.000m.
30.	NGUYỄN QUÝ CẢNH	Đặt tên cho đường số 8 dự án 131 ha, phường An Phú. Từ đường Song hành Xa lộ Hà Nội đến cuối đường. Dài 800m.
31.	NGUYỄN QUÍ ĐỨC	Đặt tên cho đường số 1 dự án 131 ha, phường An Phú. Từ đường Song hành Xa lộ Hà Nội đến cuối đường. Dài 500m.
32.	CAO ĐỨC LÂN	Đặt tên cho đường số 30 dự án 131 ha, phường An Phú. Từ đường Lương Định Của đến đường Vành đai Đông (A1). Dài 1.000m.
33.	BÙI TÁ HÁN	Đặt tên cho đường số 31 dự án 131 ha, phường An Phú. Từ đường số 30 dự án 131 ha đến đường số 30 dự án 131 ha. Dài 530m.

34.	ĐỖ PHÁP THUẬN	Đặt tên cho đường số 31 dự án 131 ha, phường An Phú. Từ đường số 30 dự án 131 ha đến đường số 32 dự án 131 ha. Dài 400m.
35.	THÁI THUẬN	Đặt tên cho đường số 6 dự án 131 ha, phường An Phú. Từ đường số 8 dự án 131 ha đến cuối đường. Dài 500m.
36.	DƯƠNG VĂN AN	Đặt tên cho đường số 16 dự án 131 ha, phường An Phú. Từ đường Vành đai Đông (A1) dự án 131ha đến đường số 17 dự án 131 ha. Dài 750m.
37.	LÊ HỮU KIỀU	Đặt tên cho đường Ven Sông dự án Thế kỷ XXI, phường Bình Trưng Tây. Từ đường A dự án 174 ha đến đường Nguyễn Thị Định. Dài 1.700m.
38.	NGUYỄN ĐĂNG ĐẠO	Đặt tên cho đường Trục Chính dự án Thế kỷ XXI, Phường Bình Trưng Tây. Từ đường D2 dự án Thế kỷ XXI đến đường D8 dự án Thế kỷ XXI. Dài 450m.
39.	THÂN VĂN NHIẾP	Đặt tên cho đường A2.3, Phường An Phú. Từ đường Nguyễn Thị Định đến cuối đường. Dài 1.700m.
Đường điều chỉnh giới hạn:		
01.	LÊ VĂN THỊNH	Điều chỉnh lý trình cho xuyên suốt từ đường Nguyễn Duy Trinh qua đường Nguyễn Thị Định (<i>Đặt tên cho đường số 22 phường Cát Lái. Từ đường Nguyễn Thị Định đến đường Lê Văn Thịnh. Dài 400m.</i>)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2012

CHỈ THỊ

Về tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và cây phân tán năm 2012

Thực hiện Chỉ thị số 270/CT-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng; Chỉ thị số 1685/CT-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ; nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và cây phân tán trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2012; Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện nơi có rừng và Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

1. Công tác bảo vệ rừng:

1.1. Khẩn trương triển khai thực hiện Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng; Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án quản lý bảo vệ, phát triển các loại rừng và cây xanh Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án trồng rừng và cây xanh thành phố giai đoạn 2011 - 2015 định hướng đến năm 2020 và Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Chương trình quản lý bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015.

1.2. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng, chống chặt phá rừng, ngăn chặn những hành vi lấn chiếm đất rừng để sử dụng vào mục đích khác, đặc biệt là các trường hợp khai thác vận chuyển, kinh doanh, chế biến lâm sản, động vật rừng trái phép; xử lý trách nhiệm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

1.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã nơi có rừng, Ban Quản lý rừng phòng hộ Cần Giờ tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng; ngăn chặn việc đào bắt Địa sâm (Đồn đọt); kiểm tra và kiên quyết thanh lý hợp đồng khoán bảo vệ rừng đối với các tập thể, cá nhân đã nhận khoán bảo vệ rừng nhưng thiếu trách nhiệm để xảy ra mất rừng; quản lý các hoạt động nuôi thủy sản, sản xuất muối trong phạm vi rừng phòng hộ đảm bảo tính bền vững không gây ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây rừng; chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội tại địa phương tăng cường hoạt động phối hợp tuần tra kịp thời ngăn chặn mọi hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng, nhất là tại các khu rừng trong vùng giáp ranh với các tỉnh bạn.

1.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố chỉ đạo Chi Cục Kiểm lâm:

a) Tăng cường phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an, Quân đội đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng, triệt phá các băng nhóm phá rừng có tổ chức và chống người thi hành công vụ gắn với bảo vệ an ninh trật tự xã hội tại những địa phương có rừng;

b) Phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cơ quan có liên quan tổ chức rà soát quản lý chặt chẽ cơ sở chế biến kinh doanh lâm sản, cơ sở gây nuôi động vật hoang dã theo đúng quy định của pháp luật; tổ chức các lực lượng liên ngành đủ mạnh để kiểm tra, kiểm soát tăng cường công tác chống buôn lậu lâm sản và động vật hoang dã;

c) Phối hợp chặt chẽ với chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác kiểm tra, truy quét để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi khai thác, phá rừng trái phép, lấn chiếm gây thiệt hại đất rừng.

1.5. Công an thành phố chỉ đạo lực lượng nghiệp vụ, địa phương tăng cường tham gia công tác điều tra đấu tranh xử lý các đối tượng là chủ các đường dây buôn bán vận chuyển, kinh doanh, chế biến lâm sản, động vật hoang dã trái phép để xử lý theo quy định của pháp luật, đặc biệt xử lý nghiêm cương quyết, kịp thời với các trường hợp chống người thi hành công vụ.

2. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và cây phân tán:

2.1. Kiện toàn Ban Chỉ huy về Phòng cháy, chữa cháy rừng (do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách), kịp thời xử lý mọi tình huống cháy xảy ra trên địa bàn; chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn nắm chắc diện tích rừng và chủ sở hữu các khu rừng

trồng phân tán ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp và cây trồng tập trung dễ cháy khác (cao su, mía) để có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của địa phương.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện: Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn và quận 9 quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện những biện pháp cụ thể sau:

a) Chỉ đạo chính quyền cấp xã nơi có rừng, cây lâm nghiệp trồng phân tán trong vùng trọng điểm có nguy cơ cháy cao tăng cường chức năng quản lý Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng dân cư nâng cao ý thức tự bảo vệ tài sản và thành quả sản xuất, chủ động thực hiện các biện pháp phát dọn cỏ dại quanh nhà, quanh khu vực sản xuất tạo băng cản lửa để phòng, chống cháy lan.

b) Chỉ đạo các đơn vị chủ rừng triển khai ngay các biện pháp phòng cháy, chữa cháy cần thiết theo quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng.

c) Yêu cầu Ban quản lý các dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố giao đất nhưng chưa triển khai phải có biện pháp phòng chống cháy lan tại những điểm tiếp giáp giữa những bãi cỏ trong đất dự án với rừng, cây phân tán và nhà dân;

d) Chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất vi phạm về an toàn phòng cháy, chữa cháy.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có rừng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố nếu để xảy ra cháy, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân và tài nguyên rừng, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn do mình quản lý.

2.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi Cục Kiểm lâm, Chi Cục Lâm nghiệp tăng cường chức năng quản lý nhà nước về rừng và cây phân tán trên địa bàn thành phố, cụ thể:

a) Chi Cục Kiểm lâm tăng cường các biện pháp:

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, về an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng và thông tin dự báo cấp nguy cơ cháy rừng để mọi người biết và chủ động đề phòng;

- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở mọi tổ chức, cá nhân hoạt động trong phạm vi khu vực có rừng thực hiện các chế độ, quy định về bảo vệ rừng, an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng, xử lý nghiêm hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Phối hợp Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy quận - huyện khảo sát lập kế hoạch đốt chủ động tạo băng cản lửa chống cháy lan tại những điểm tiếp giáp giữa đồng cỏ với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

b) Chi Cục Lâm nghiệp tăng cường các biện pháp chủ động phòng cháy, chữa cháy đối với diện tích rừng đặc dụng và rừng phòng hộ tại các quận - huyện trong vùng trọng điểm nguy cơ cháy cao.

c) Công ty TNHH Một thành viên Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thực hiện các biện pháp quản lý vận hành các công trình thủy lợi, chủ động điều tiết nước đáp ứng cho yêu cầu sản xuất nông nghiệp và đảm bảo nguồn nước phục vụ cho công tác phòng cháy và chữa cháy tại những khu vực có rừng và cây trồng dễ cháy khác vào các tháng mùa khô.

2.4. Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Thành phố chỉ đạo các phòng, ban tham mưu, Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy các quận - huyện tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác phòng cháy, chữa cháy, có kế hoạch tiếp ứng chữa cháy rừng khi có yêu cầu, hướng dẫn nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng tại chỗ, phối hợp cơ quan Kiểm lâm, chủ rừng, chủ dự án được giao đất khảo sát lập kế hoạch đốt chủ động chống cháy lan tại những điểm tiếp giáp giữa đồng cỏ với rừng, công trình quốc gia trọng yếu, khu vực dân cư tập trung.

2.5. Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong: Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đóng quân trên địa bàn nơi có rừng thường xuyên tổ chức quán triệt cho cán bộ, chiến sĩ, đội viên tích cực tham gia bảo vệ rừng, nêu cao ý thức bảo đảm an toàn khi sử dụng lửa trong sinh hoạt và trong diễn tập, gắn công tác phòng, chống cháy, nổ với công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; lập kế hoạch phối hợp tham gia chữa cháy rừng khi có yêu cầu.

2.6. Các cơ quan Báo - Đài thành phố tăng cường thông tin tuyên truyền nâng cao ý thức phòng cháy, chữa cháy trong nhân dân. Đài Truyền hình Thành phố phối hợp Chi Cục Kiểm lâm thường xuyên thông tin dự báo cấp độ nguy cơ cháy rừng trên địa bàn thành phố để các địa phương có rừng, chủ rừng và người dân tại khu vực có rừng biết, có biện pháp chủ động ứng phó.

2.7. Sở Tài chính cân đối, bố trí bảo đảm kinh phí cho nhu cầu hoạt động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định hiện hành.

2.8. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy cấp thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng (Chi Cục Kiểm lâm) có kế hoạch

phối hợp cùng các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các phương án bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; theo dõi tình hình thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để có chỉ đạo kịp thời.

2.9. Các cơ quan chuyên trách các cấp về phòng cháy, chữa cháy và các đơn vị chủ rừng tổ chức trực phòng cháy, chữa cháy 24/24 giờ theo quy định của nhà nước trong suốt các tháng mùa khô; thực hiện chế độ báo cáo và báo cháy, cụ thể:

a) Từ 15 giờ đến 16 giờ hàng ngày, các đơn vị chủ rừng báo cáo nhanh tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng về Chi Cục Kiểm lâm (Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy 2203) để tổng hợp, báo cáo.

b) Trong trường hợp xảy ra cháy rừng hoặc cháy thảm thực vật trên địa bàn quản lý cần thông báo kịp thời cho các cơ quan chức năng theo số điện thoại sau:

- Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy: 114;
- Chi Cục Kiểm lâm (Văn phòng Thường trực BCH 2203): 38.552.501;
- Phòng Kinh tế quận 9: 38.973.224;
- Phòng Kinh tế huyện Hóc Môn: 38.910.377;
- Phòng Kinh tế huyện Bình Chánh: 37.602.130;
- Phòng Kinh tế huyện Củ Chi: 38.920.371.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện nơi có rừng, Thủ trưởng các Sở - ngành, các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có kế hoạch triển khai, thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chỉ thị này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2012

CHỈ THỊ

Về tăng cường các biện pháp phòng trừ rầy nâu và bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá hại lúa năm 2012 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Thông báo số 07/TBSB-BVTV-TV ngày 17 tháng 02 năm 2012 của Cục Bảo vệ thực vật, ở các tỉnh phía Nam, diện tích lúa nhiễm rầy nâu trong tuần từ ngày 10 tháng 02 đến ngày 16 tháng 02 năm 2012 là 35.884 ha, mật số rầy nâu trên đồng phổ biến 1.000 - 2.000 con/m², trong đó mật số từ 3.000 - 6.000 con/m² với diện tích 467,5 ha. Các tỉnh có diện tích nhiễm rầy nâu nhiều như: Long An, An Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Bình Thuận... Tính từ đầu năm 2012 đến nay, tuy chưa xuất hiện bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, nhưng tình hình rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá vẫn đe dọa sản xuất lúa ở các tỉnh phía Nam.

Trong thời gian vừa qua ngành nông nghiệp thành phố đã phối hợp với chính quyền địa phương, ban, ngành các cấp thực hiện tốt kế hoạch gieo cấy lúa đồng loạt và tích cực triển khai các biện pháp phòng trừ rầy nâu có hiệu quả. Dự kiến diện tích gieo trồng lúa trên địa bàn thành phố trong năm 2012 ước khoảng 18.400 ha, riêng vụ Đông Xuân 2011 - 2012 là 5.400 ha, hiện đã gieo cấy được 5.688 ha. Theo báo cáo của Chi Cục Bảo vệ thực vật, tính đến ngày 24 tháng 02 năm 2012, diện tích lúa nhiễm rầy nâu trên địa bàn thành phố là 239 ha. Ngoài ra, còn có diện tích lúa bị nhiễm sinh vật hại khác như: Sâu cuốn lá 252 ha, bọ xít hôi 208 ha, ốc brou vàng 811 ha, bệnh đạo ôn 155 ha, bệnh đốm vằn 113 ha. Tuy chưa xuất hiện bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá nhưng nguy cơ rầy nâu và bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá có khả năng bột phát khá cao.

Nhằm tổ chức triển khai công tác phòng, chống rầy nâu và bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá ngay từ đầu năm, không để dịch hại lúa bột phát gây thiệt hại làm ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng lúa, đảm bảo ổn định đời sống cho bà con nông dân; Ủy ban

nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành, đoàn thể thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có sản xuất lúa triển khai thực hiện nghiêm túc các công việc sau:

1. Ban Chỉ đạo phòng, chống rầy nâu, bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá cấp thành phố:

Theo dõi, kiểm tra, nắm chắc diễn biến tình hình dịch hại, tham mưu kịp thời cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo việc phòng trừ rầy nâu và bệnh hại lúa an toàn, hiệu quả.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

2.1. Thường xuyên cập nhật, theo dõi diễn biến rầy nâu - bệnh hại lúa tại thành phố, trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, kịp thời ứng phó với dịch rầy nâu và bệnh hại lúa trong năm 2012.

2.2. Chỉ đạo Chi Cục Bảo vệ thực vật thường xuyên tổ chức thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, chuyên môn trong công tác phòng, chống dịch rầy nâu, bệnh hại lúa như:

- Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, nắm chắc tình hình rầy nâu và bệnh hại lúa trên địa bàn thành phố, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ để dự tính, dự báo chính xác khả năng phát sinh gây hại của rầy nâu và bệnh hại lúa nhằm đề ra các biện pháp phòng, chống hiệu quả.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn nông dân các biện pháp phòng trị rầy nâu và bệnh hại lúa, lưu ý gieo sạ tập trung né rầy, sử dụng thuốc theo nguyên tắc “4 đúng”: đúng loại thuốc, đúng liều lượng, đúng cách, đúng thời điểm; áp dụng “ba giảm, ba tăng”: giảm lượng giống gieo sạ, giảm lượng phân đạm, giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật, tăng năng suất, tăng chất lượng, tăng hiệu quả kinh tế, “một phải, năm giảm”: phải sử dụng giống lúa xác nhận, giảm lượng nước vừa đủ, giảm lượng giống gieo sạ, giảm lượng phân đạm, giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật, giảm thất thoát sau thu hoạch.

- Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp sinh học trong quản lý dịch hại, nhân rộng mô hình sử dụng nấm *Metarhizium anisopliae* trong phòng trừ rầy nâu.

- Chuẩn bị vật tư, phương tiện phòng chống dịch; phân công cán bộ tăng cường công tác ở cơ sở để giám sát chặt chẽ tình hình và diễn biến của các đối tượng dịch hại nguy hiểm trên đồng ruộng, đặc biệt là rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và các

loài sâu bệnh hại khác, hướng dẫn nông dân phát hiện và xử lý kịp thời, không để rầy nâu, bệnh hại lúa bột phát thành dịch.

- Phối hợp với Chi Cục Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tăng cường kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

2.3. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông:

- Phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện tuyên truyền, vận động nông dân sử dụng giống lúa xác nhận, giống lúa kháng rầy.

- Tập huấn hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật canh tác lúa có hiệu quả như: Sử dụng phân bón tiết kiệm, hợp lý; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả...

- Lòng ghép tuyên truyền công tác phòng trừ rầy nâu, bệnh hại lúa trong các buổi hội thảo, tập huấn cho nông dân.

2.4. Chỉ đạo Chi Cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão theo dõi tình hình thời tiết, tình hình khô hạn, xâm nhập mặn để thông báo, hướng dẫn cho nông dân và có kế hoạch điều tiết nước kịp thời; xây dựng kế hoạch phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất; phối hợp với chính quyền địa phương thông báo kịp thời lịch cung cấp nước để nông dân biết và sử dụng nước hợp lý theo đúng nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sản xuất.

3. Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kinh phí phòng, chống rầy nâu và bệnh hại lúa năm 2012.

- Hướng dẫn các sở, ngành, quận, huyện lập dự toán kinh phí phòng, chống rầy nâu và bệnh hại lúa; bố trí kinh phí kịp thời, tổ chức thực hiện cấp phát, thanh quyết toán và kiểm tra việc thực hiện kinh phí, đảm bảo các yêu cầu công tác hoạt động phòng, chống rầy nâu và bệnh hại lúa theo kế hoạch đã được phê duyệt.

4. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan, huy động Phòng Văn hóa và Thông tin các quận, huyện tăng cường công tác tuyên truyền qua băng rôn, áp phích tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân về các chính sách chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, vận động nông dân chuyển đổi diện tích lúa sang cây trồng có giá trị kinh tế cao.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân quận, huyện để thông tin kịp thời tình hình hạn hán, dịch bệnh và các biện pháp phòng trừ.

5. Sở Công Thương:

Chỉ đạo Chi Cục Quản lý thị trường phối hợp với Chi Cục Bảo vệ thực vật, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tăng cường lực lượng kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và vật tư nông nghiệp khác. Xử phạt nghiêm các trường hợp tăng giá sản phẩm; thuốc, phân bón ngoài danh mục; hàng giả, kém chất lượng...

6. Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Thành Đoàn Thành phố:

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân quán triệt và thực hiện tốt công tác phòng, chống rầy nâu và bệnh hại lúa.

7. Ủy ban nhân dân các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ và các quận 2, 9, Bình Tân:

- Khuyến cáo nông dân sử dụng giống lúa xác nhận, giống lúa kháng rầy, đồng thời hướng dẫn nông dân sử dụng phân bón hợp lý, tiết kiệm, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả.

- Chỉ đạo gieo sạ tập trung né rầy, kiên quyết ngăn chặn tình trạng xuống giống rải rác, không theo thời vụ khuyến cáo của ngành nông nghiệp.

- Chỉ đạo các phường, xã, thị trấn và các đơn vị liên quan phối hợp với ngành nông nghiệp (Bảo vệ thực vật, Khuyến nông) vận động nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để kịp thời phát hiện và xử lý rầy khi có mật số cao, đặc biệt là đối với lúa trên 40 ngày tuổi.

- Chỉ đạo Đài Truyền thanh quận, huyện, phường, xã, thị trấn tăng thời lượng phát sóng nhằm cung cấp thông tin cho nông dân về chọn giống xác nhận, giống kháng rầy, lịch gieo sạ tập trung né rầy phù hợp theo từng mùa vụ, diễn biến rầy nâu trên đồng ruộng và các biện pháp phòng trị rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và các sâu bệnh khác theo hướng dẫn của ngành nông nghiệp.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có sản xuất lúa phối hợp với các đoàn thể, ngành nông nghiệp tập trung tuyên truyền, vận động nông dân chuyển đổi diện tích lúa có năng suất thấp sang cây trồng có giá trị kinh tế cao.

Để ngăn chặn, phòng, chống và xử lý kịp thời rầy nâu và bệnh hại lúa trong năm

2012 trên địa bàn thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành, đoàn thể thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng